

DANH SÁCH
Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2026 - 2027
Khóa ngày 02 tháng 7 năm 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Danh sách tuyển thẳng

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Học sinh trường	Đối tượng trúng tuyển
1	LANG HOÀ AN	Nam	Lô Lô	02/02/2011	Ngàm Lôm- Cô Ba - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
2	CHI THỊ ÁNH	Nữ	Lô Lô	17/05/2011	Khuổi Khon - Hưng Đạo - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
3	TÔ VĂN BAO	Nam	Lô Lô	07/12/2010	Cà Pên B - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
4	LANG THANH BẢO	Nam	Lô Lô	27/11/2011	Khau Trang - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
5	LĂNG THỊ DUYÊN	Nữ	Lô Lô	16/12/2011	Cà Đồng - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
6	LANG THỊ DUYẾN	Nữ	Lô Lô	29/05/2011	Ngàm Lôm - Cô Ba - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
7	TẶNG TIẾN ĐẠT	Nam	Ngái	15/05/2011	Phai Khắt - Tam Kim - Cao Bằng	PTDTNT THCS Nguyên Bình	Dân tộc thiểu số rất ít người
8	CHU BẢO HÂN	Nữ	Lô Lô	06/02/2011	Khau Trang - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
9	LÝ THỊ HIỀN	Nữ	Lô Lô	03/01/2011	Khau Trang - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
10	CHUNG NGỌC HIỀN	Nữ	Lô Lô	19/10/2011	Cốc Xả - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
11	CHUNG THỊ KY	Nữ	Lô Lô	25/04/2011	Cà Pên A - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
12	MÀ THỊ LAN	Nữ	Lô Lô	20/12/2011	Cà Pên B - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
13	NÀ THỊ LIÊN	Nữ	Lô Lô	04/12/2011	Cà Pên A - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
14	CHUNG THỊ KHÁNH LINH	Nữ	Lô Lô	07/09/2011	Cốc Xả - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
15	HOÀNG THỊ LỖI	Nữ	Lô Lô	03/08/2011	Cà Đồng - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
16	TÔ VĂN LƯƠNG	Nam	Lô Lô	02/01/2011	Cà Pên B - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
17	CHUNG QUÂN MẠNH	Nam	Lô Lô	22/08/2011	Cốc Xả - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
18	LANG THỊ NGÂN	Nữ	Lô Lô	09/07/2011	Ngàm Lôm - Cô Ba - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
19	TÔ THỊ OANH	Nữ	Lô Lô	01/11/2011	Cà Pên A - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
20	CHI MINH QUÂN	Nam	Lô Lô	10/08/2011	Khuổi Khon - Hưng Đạo - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
21	LĂNG VĂN SÍNH	Nam	Lô Lô	26/01/2011	Cà Pên B - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
22	LĂNG THỊ THƯƠNG	Nữ	Lô Lô	04/11/2011	Cà Pên A - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Học sinh trường	Đối tượng trúng tuyển
23	CHUNG THỊ THUỶ	Nữ	Lô Lô	03/07/2011	Cốc Sả - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
24	LANG THỊ TÍNH	Nữ	Lô Lô	28/10/2011	Nà Van - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
25	NÔNG VĂN TRIỀU	Nam	Lô Lô	25/02/2011	Cà Mềng - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
26	NÔNG VĂN TRƯỜNG	Nam	Lô Lô	02/06/2011	Cà Đồng - Cốc Pàng - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
27	TRỊNH MINH TÙNG	Nam	Tày	17/10/2011	TDP Hợp Giang 2 - Thực Phán - Cao Bằng	THCS Hợp Giang	Đạt giải quốc gia
28	CÔ THỊ TUYỀN	Nữ	Lô Lô	17/06/2011	Nà Van - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
29	LANG THỊ TUYẾT	Nữ	Lô Lô	22/12/2011	Ngàm Lôm- Cô Ba - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người

Danh sách gồm 29 học sinh./.

2. Danh sách học sinh thi tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Xã/Phường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
1	007011	TRẦN THỊ HOÀI AN	Nữ	Tày	20/08/2011	Tổ 30 - Nùng Trí Cao - Cao Bằng	Phường Nùng Trí Cao	1,00	8,00	7,75	9,25	26,00	Đ1b	
2	007497	PHẠM NGUYỄN HẢI THANH	Nam	Tày	23/12/2011	Tổ 18 - Nùng Trí Cao - Cao Bằng	Phường Nùng Trí Cao	1,00	8,25	7,25	9,25	25,75	Đ1b	
3	003338	NGUYỄN ĐÌNH MINH CHUYỀN	Nữ	Tày	21/08/2011	Tổ 14 -Tân Giang - Cao Bằng	Phường Tân Giang	1,00	8,50	8,25	9,00	26,75	Đ1b	
4	007121	LÝ NGỌC DIỆP	Nữ	Nùng	28/06/2011	Tổ dân phố Cao Minh - Thực Phán -Cao Bằng	Phường Thực Phán	1,00	9,00	7,25	9,00	26,25	Đ1b	
5	003354	NGUYỄN TRỌNG HỮU	Nam	Tày	30/08/2011	TDP Bến Đò - Thực Phán - Cao Bằng	Phường Thực Phán	1,00	9,00	7,00	9,25	26,25	Đ1b	
6	007459	NGUYỄN HẢI PHONG	Nam	Tày	16/09/2011	Tổ dân phố Đề Thám 1 - Thực Phán - Cao Bằng	Phường Thực Phán	1,00	8,75	6,50	9,25	25,50	Đ1b	
7	003364	HOÀNG HƯƠNG NGỌC LAN	Nữ	Tày	27/10/2011	Nà Vương - Bạch Đằng - Cao Bằng	Xã Bạch Đằng	1,00	9,00	6,50	9,00	25,50	Đ1a	Điểm TBM lớp 9: 8,76
8	003326	HOÀNG NGỌC ANH	Nữ	Tày	04/01/2011	Xóm Nà Hoan - Bạch Đằng - Cao Bằng	Xã Bạch Đằng	1,00	8,50	7,75	8,25	25,50	Đ1a - Cả tỉnh	
9	023334	THÂN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	Tày	12/11/2011	Xóm 4 - Bảo Lạc - Cao Bằng	Xã Bảo Lạc	1,00	9,00	7,75	8,50	26,25	Đ1a	
10	023366	NÔNG PHAN LAN TRÚC	Nữ	Tày	19/11/2011	Xóm 5 - Bảo Lạc - Cao Bằng	Xã Bảo Lạc	1,00	9,25	8,00	7,75	26,00	Đ1a	
11	028330	NÔNG THỊ HOÀI AN	Nữ	Nùng	31/03/2011	Xóm 3 - Bảo Lâm - Cao Bằng	Xã Bảo Lâm	1,00	7,25	8,50	8,75	25,50	Đ1a	
12	028403	ĐẶNG YẾN TRANG	Nữ	Dao	20/01/2011	Khu 4 - Bảo Lâm - Cao Bằng	Xã Bảo Lâm	1,00	7,50	6,25	9,00	23,75	Đ1a	
13	028413	HOÀNG THỊ YÊU	Nữ	Mông	25/04/2011	Tổng Dùn - Quảng Lâm - Cao Bằng	Xã Bảo Lâm	1,00	6,25	8,50	7,75	23,50	Đ1a	
14	028400	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	Kinh	22/01/2011	Khu 2 - Bảo Lâm- Cao Bằng	Xã Bảo Lâm	1,00	7,75	6,25	8,25	23,25	Đ3	
15	158374	PHAN QUỲNH NHƯ	Nữ	Tày	15/09/2011	Bản Mẩn - Bế Văn Đàn - Cao Bằng	Xã Bế Văn Đàn	1,00	7,50	9,00	8,50	26,00	Đ1a	
16	158360	CHU LÊ BẢO NAM	Nam	Nùng	13/06/2011	Phố Cách Linh - Bế Văn Đàn - Cao Bằng	Xã Bế Văn Đàn	1,00	8,00	7,00	9,50	25,50	Đ1a	
17	003345	ĐÀM NGUYỄN ĐẠT	Nam	Tày	27/07/2011	Bản Riêng - Bế Văn Đàn - Cao Bằng	Xã Bế Văn Đàn	1,00	8,25	7,50	8,75	25,50	Đ1a	
18	128255	HOÀNG THỊ MỸ HẰNG	Nữ	Dao	07/04/2011	Tàn Pà - Ca Thành - Cao Bằng	Xã Ca Thành	1,00	8,50	5,75	3,75	19,00	Đ1a	
19	200220	HỨA HUYỀN MY	Nữ	Tày	22/02/2011	Hồng Thái - Cản Yên - Cao Bằng	Xã Cản Yên	1,00	8,50	8,50	8,75	26,75	Đ1a	
20	200219	CHU THỊ TRÀ MY	Nữ	Tày	30/09/2011	Đồng Tâm - Cản Yên - Cao Bằng	Xã Cản Yên	1,00	9,00	6,75	9,00	25,75	Đ1a	
21	200201	HOÀNG THỊ KIM HUỆ	Nữ	Tày	02/07/2011	Quang Chung 2 - Cản yên - Cao Bằng	Xã Cản Yên	1,00	8,25	7,00	5,75	22,00	Đ1a	
22	066217	NÔNG KHÁNH LY	Nữ	Tày	12/02/2011	Tân Cương - Canh Tân - Cao Bằng	Xã Canh Tân	1,00	7,25	8,00	7,75	24,00	Đ1a	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Xã/Phường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
23	023325	HOÀNG THỊ LINH	Nữ	Nùng	25/02/2011	Ngâm Lồm- Cô Ba - Cao Bằng	Xã Cô Ba	1,00	8,25	7,75	5,50	22,50	Đ1a	
24	023311	QUAN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	Tày	28/10/2011	Phiêng Sáng - Cô Ba - Cao Bằng	Xã Cô Ba	1,00	8,25	5,50	7,00	21,75	Đ1a	
25	007145	HÀ TRỌNG DUY	Nam	Nùng	05/05/2011	Xóm Khuổi Sang - Cốc Pàng - Cao Bằng	Xã Cốc Pàng	1,00	8,00	6,75	8,75	24,50	Đ1a	
26	007246	PHÓN THU HỒNG	Nữ	Sán Chi	09/03/2011	Xóm Nà Rại - Cốc Pàng - Cao Bằng	Xã Cốc Pàng	1,00	5,50	7,00	7,50	21,00	Đ1a	
27	194272	NÔNG THỊ BẢO CHI	Nữ	Tày	01/08/2011	Thanh Lâm - Đàm Thủy - Cao Bằng	Xã Đàm Thủy	1,50	8,50	8,25	9,00	27,25	Đ1a	
28	194341	HÀ KHÁNH THI	Nữ	Tày	07/10/2011	Đồng Tâm - Đàm Thủy - Cao Bằng	Xã Đàm Thủy	1,00	8,00	8,50	9,50	27,00	Đ1a	
29	194344	LA ANH THƠ	Nữ	Tày	02/05/2011	Chung Sơn - Đàm Thủy - Cao Bằng	Xã Đàm Thủy	1,00	8,50	8,25	8,50	26,25	Đ1a	
30	194304	BAN ĐẠI LÂM	Nam	Tày	01/03/2011	Giộc Sâu - Đình Phong - Cao Bằng	Xã Đình Phong	1,00	8,75	6,25	7,25	23,25	Đ1a	
31	194277	NÔNG HUYỀN DIỆU	Nữ	Tày	06/11/2011	Pác Gọn - Đình Phong - Cao Bằng	Xã Đình Phong	1,00	5,25	7,00	8,00	21,25	Đ1a	
32	007427	HOÀNG NGỌC NHI	Nữ	Tày	19/07/2011	Keo Giáo - Phía Siêm - Đình Phong - Cao Bằng	Xã Đình Phong	1,00	3,75	6,75	8,25	19,75	Đ1a	
33	194346	NÔNG THỊ ANH THU	Nữ	Tày	28/03/2011	Pác Lung - Đoài Dương - Cao Bằng	Xã Đoài Dương	1,00	8,75	7,75	8,50	26,00	Đ1a	
34	194325	HOÀNG THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	Tày	25/01/2011	Pác Lung - Đoài Dương - Cao Bằng	Xã Đoài Dương	1,00	7,00	8,25	8,25	24,50	Đ1a	
35	007384	LƯƠNG QUỲNH NGÀ	Nữ	Tày	01/03/2011	Xóm Vinh Quang, xã Đoài Dương, tỉnh Cao Bằng	Xã Đoài Dương	1,00	8,25	7,00	8,25	24,50	Đ1a	
36	158410	HOÀNG THANH TRÚC	Nữ	Tày	05/02/2011	Nà Lèng - Độc Lập - Cao Bằng	Xã Độc Lập	1,00	8,50	8,50	7,75	25,75	Đ1a	
37	158309	HOÀNG THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	Nùng	27/01/2011	Đoòng Pán 2 - Độc Lập - Cao Bằng	Xã Độc Lập	1,00	8,75	8,50	6,00	24,25	Đ1a	
38	007208	NÔNG ĐIỀN GIA HÂN	Nữ	Tày	04/03/2011	xóm Cốc Mý - Đông Khê - Cao Bằng	Xã Đông Khê	1,00	9,50	8,75	9,00	28,25	Đ1a	
39	007595	HOÀNG DIỆP VI	Nữ	Tày	30/04/2011	Xóm Pác Khoang - Đông Khê - Cao Bằng	Xã Đông Khê	1,00	7,50	8,00	8,75	25,25	Đ1a	Điểm TBM lớp 9: 8,78
40	066187	NÔNG THỊ KIM CÚC	Nữ	Nùng	01/01/2011	Slàng Péc - Đông Khê - Cao Bằng	Xã Đông Khê	1,00	7,75	8,25	8,25	25,25	Đ1a - Cả tỉnh	
41	066207	TRẦN TRUNG KIÊN	Nam	Tày	23/06/2011	Xóm 1 - Đông Khê - Cao Bằng	Xã Đông Khê	1,00	8,25	7,25	8,75	25,25	Đ1a - Cả tỉnh	
42	066193	HOÀNG MINH ĐỨC	Nam	Tày	28/05/2011	Nam Quang - Đông Khê - Cao Bằng	Xã Đông Khê	1,00	7,50	8,00	8,75	25,25	Đ1a - Cả tỉnh	
43	066206	NGỌC TUẤN KHANH	Nam	Nùng	06/02/2011	Bản Nghèn - Đức Long - Cao Bằng	Xã Đức Long	1,00	6,25	7,75	8,00	23,00	Đ1a	
44	158345	HOÀNG VƯƠNG BẢO LÂM	Nam	Nùng	11/02/2011	Bản Lạng - Nà Lùng, Hạ Lang - Cao Bằng	Xã Hạ Lang	1,00	8,00	7,50	8,25	24,75	Đ1a	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Xã/Phường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
45	007572	HOÀNG NGUYỄN TUẤN	Nam	Tày	03/09/2011	Xóm Thanh Hạ - Hạ Lang - Cao Bằng	Xã Hạ Lang	1,00	8,75	5,50	8,25	23,50	Đ1a	
46	074214	NGUYỄN ĐĂNG HỌC	Nam	Mông	04/02/2011	Đoàn Kết - Hạ Lang - Cao Bằng	Xã Hạ Lang	1,00	8,00	5,75	8,50	23,25	Đ1a	
47	074221	TRẦN HOÀNG LÂM	Nam	Kinh	14/04/2011	Nà Ёn - Hạ Lang - Cao Bằng	Xã Hạ Lang	1,00	9,00	4,00	7,50	21,50	Đ3	
48	200258	HOÀNG THU THẢO	Nữ	Tày	28/11/2011	Cốc Chủ - Hà Quảng- Cao Bằng	Xã Hà Quảng	1,00	9,00	8,50	8,50	27,00	Đ1a	
49	200203	NÔNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	Tày	03/09/2011	Đào Nam - Hà Quảng - Cao Bằng	Xã Hà Quảng	1,00	9,00	7,25	8,00	25,25	Đ1a	
50	007410	PHƯƠNG KHÁNH NGỌC	Nữ	Tày	25/10/2011	Xóm Kéo Chang - Hà Quảng - Cao Bằng	Xã Hà Quảng	1,00	7,50	7,50	9,00	25,00	Đ1a	
51	158401	ĐINH THUYỄN TIÊN	Nữ	Tày	03/04/2011	Hồng Định V - Hạnh Phúc - Cao Bằng	Xã Hạnh Phúc	1,00	8,75	7,00	8,00	24,75	Đ1a	
52	003331	ĐINH NGỌC ÁNH	Nữ	Tày	18/10/2011	Ngọc Nam - Hạnh Phúc - Cao Bằng	Xã Hạnh Phúc	1,00	8,25	8,25	7,25	24,75	Đ1a	
53	007554	HÀ DIỆP TRÚC	Nữ	Tày	03/04/2011	Xóm Cạm Thành - Hạnh Phúc - Cao Bằng	Xã Hạnh Phúc	1,00	7,25	7,50	8,25	24,00	Đ1a	
54	158366	LƯƠNG THỊ TUYẾT NGÂN	Nữ	Nùng	12/06/2011	Lũng Luông - Hạnh Phúc - Cao Bằng	Xã Hạnh Phúc	1,00	6,75	7,25	8,25	23,25	Đ1a	
55	095318	MAN THỊ THẢO UYÊN	Nữ	Tày	12/08/2011	Phố Hoảng Bó - Hòa An - Cao Bằng	Xã Hòa An	1,00	9,00	8,75	9,50	28,25	Đ1a	
56	095303	BẾ THỊ TUYẾT NHI	Nữ	Tày	22/09/2011	Xóm 3 Bế Triều - Hòa An - Cao Bằng	Xã Hòa An	1,00	8,50	8,00	9,50	27,00	Đ1a	
57	007315	NÔNG HOÀNG LAN	Nữ	Tày	30/01/2011	Xóm 1 Bế Triều - Hòa An - tỉnh Cao Bằng	Xã Hòa An	1,00	9,00	7,75	9,25	27,00	Đ1a	
58	007178	NGÂN HOÀNG GIANG	Nam	Tày	29/09/2011	Phố Giữa - Hòa An - tỉnh Cao Bằng	Xã Hòa An	1,00	8,50	7,00	9,75	26,25	Đ1a	
59	095297	ĐÀM THỊ THU HOÀI	Nữ	Tày	30/04/2011	Thanh Hùng - Hòa An - Cao Bằng	Xã Hòa An	1,00	8,75	7,25	8,25	25,25	Đ1a - Cả tỉnh	
60	023360	LÝ THỊ THUYỄN TIÊN	Nữ	Nùng	28/11/2011	Nà Chào - Hưng Đạo - Cao Bằng	Xã Hưng Đạo	1,00	8,50	6,75	6,50	22,75	Đ1a	
61	023373	HOÀNG PHI YẾN	Nữ	Tày	19/06/2011	Phiêng Nà - Hưng Đạo - Cao Bằng	Xã Hưng Đạo	1,00	8,00	7,00	6,75	22,75	Đ1a	
62	023364	CHU KIỀU TRINH	Nữ	Tày	25/12/2011	Phiêng Vàng - Huy Giáp - Cao Bằng	Xã Huy Giáp	1,00	8,00	8,00	7,50	24,50	Đ1a	
63	023327	SÀO THỊ HÀ LINH	Nữ	Dao	04/09/2011	Pác Trà - Huy Giáp - Cao Bằng	Xã Huy Giáp	1,00	8,00	7,75	6,25	23,00	Đ1a	
64	003367	MÔNG THANH LOAN	Nữ	Tày	21/10/2011	Kha Rào - Khánh Xuân - Cao Bằng	Xã Khánh Xuân	1,00	8,50	7,25	6,00	22,75	Đ1a	
65	023299	LÝ HOÀNG GIANG	Nam	Nùng	01/01/2011	Thôm Quan - Khánh Xuân - Cao Bằng	Xã Khánh Xuân	1,00	4,50	6,25	3,00	14,75	Đ1a	
66	003336	NÔNG QUỲNH CHI	Nữ	Tày	15/07/2011	Xuân Thắng - Kim Đồng - Cao Bằng	Xã Kim Đồng	1,00	7,00	8,25	5,50	21,75	Đ1a	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Xã/Phường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
67	200234	VƯƠNG VĂN NHẬT	Nam	Nùng	17/07/2011	Nậm Nhũng - Lũng Nậm - Cao Bằng	Xã Lũng Nậm	1,00	6,25	7,50	7,00	21,75	Đ1a	
68	200247	HỨA ĐỨC QUÝ	Nam	Nùng	01/03/2011	Lũng Luông - Lũng Nậm - Cao Bằng	Xã Lũng Nậm	1,00	6,25	6,75	6,50	20,50	Đ1a	
69	200242	LA THỊ NHƯ	Nữ	Nùng	02/02/2011	Nậm Giát - Lũng Nậm - Cao Bằng	Xã Lũng Nậm	1,00	4,75	8,25	4,75	18,75	Đ1a	
70	028349	TÔ THỊ NGỌC HÂN	Nữ	Tày	18/09/2011	Nà Mạt - Lý Bôn - Cao Bằng	Xã Lý Bôn	1,00	8,75	8,00	8,75	26,50	Đ1a	
71	028376	NGUYỄN ĐĂNG NHẬT	Nam	Tày	24/10/2011	Tổng Ác - Lý Bôn - Cao Bằng	Xã Lý Bôn	1,00	7,25	7,25	8,75	24,25	Đ1a	
72	028348	NGUYỄN PHẠM NHƯ HẢI	Nam	Tày	23/06/2011	Nà Pồng - Lý Bôn - Cao Bằng	Xã Lý Bôn	1,00	6,50	7,50	8,25	23,25	Đ1a	
73	074212	NÔNG THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	Tày	24/12/2011	Nà Vị - Lý Quốc - Cao Bằng	Xã Lý Quốc	1,00	6,50	5,25	7,25	20,00	Đ1a	
74	074234	TÔ THỊ BẢO NGỌC	Nữ	Tày	01/08/2011	Đồng Tâm - Lý Quốc - Cao Bằng	Xã Lý Quốc	1,00	3,75	7,50	6,75	19,00	Đ1a	
75	066215	ĐINH HOÀNG HÀ LY	Nữ	Tày	06/03/2011	Pò Bầu - Minh Khai - Cao Bằng	Xã Minh Khai	1,00	7,50	6,75	5,50	20,75	Đ1a	
76	128264	CHU THUY LINH	Nữ	Tày	07/04/2011	Bình Minh - Minh Tâm - Cao Bằng	Xã Minh Tâm	1,00	8,50	8,25	7,00	24,75	Đ1a	
77	200286	LÝ HOÀNG VIỆT	Nam	Tày	26/03/2011	Bản Gù - Minh Tâm - Cao Bằng	Xã Minh Tâm	1,00	8,00	6,75	8,00	23,75	Đ1a	Điểm TBM lớp 9: 8,14
78	028332	MA THẾ HOÀNG ANH	Nam	Tày	31/10/2011	Đon Sài - Nam Quang - Cao Bằng	Xã Nam Quang	1,00	7,25	7,25	9,75	25,25	Đ1a	
79	028384	ĐÀO MỊ NƯƠNG	Nữ	Mông	01/07/2011	Nà Pù - Nam Quang - Cao Bằng	Xã Nam Quang	1,00	7,50	8,00	7,00	23,50	Đ1a	
80	095293	SÀM MẠNH HẢI	Nam	Tày	04/08/2011	Nậm Thoong - Nam Tuấn - Cao Bằng	Xã Nam Tuấn	1,00	9,25	7,50	9,50	27,25	Đ1a	
81	200213	HOÀNG NHẬT LỆ	Nữ	Tày	21/06/2011	Đông Giang 1 - Nam Tuấn - Cao Bằng	Xã Nam Tuấn	1,00	8,50	7,25	9,75	26,50	Đ1a	
82	095307	LÊ HOÀNG QUÝ	Nam	Dao	05/05/2011	Bằng Giang - Nam Tuấn - Cao Bằng	Xã Nam Tuấn	1,00	8,00	8,00	9,50	26,50	Đ1a	
83	095298	NÔNG ĐÀM THU KỲ	Nữ	Tày	02/10/2011	Phía Tráng - Nam Tuấn - Cao Bằng	Xã Nam Tuấn	1,00	8,75	7,50	8,50	25,75	Đ1a	
84	128251	ĐINH THỊ TRÀ GIANG	Nữ	Tày	20/10/2011	Bản Luộc - Nguyên Bình - Cao Bằng	Xã Nguyên Bình	1,00	9,00	8,25	8,75	27,00	Đ1a	
85	128265	TẶNG NHẬT LINH	Nữ	Tày	20/09/2011	Xóm 2 - Nguyên Bình - Cao Bằng	Xã Nguyên Bình	1,00	8,25	8,00	8,25	25,50	Đ1a	
86	128289	LÃNH BẢO TUYẾT	Nữ	Tày	01/02/2011	Bản Nùng - Nguyên Bình - Cao Bằng	Xã Nguyên Bình	1,00	7,75	8,25	8,25	25,25	Đ1a - Cả tỉnh	
87	003370	TRẦN THỊ TRÀ MY	Nữ	Tày	12/01/2011	Bản Gù - Nguyễn Huệ - Cao Bằng	Xã Nguyễn Huệ	1,00	9,00	7,75	8,75	26,50	Đ1a	
88	003330	TRƯƠNG THỊ MINH ANH	Nữ	Nùng	12/01/2011	Án Lại - Nguyễn Huệ - Cao Bằng	Xã Nguyễn Huệ	1,50	8,50	8,00	8,25	26,25	Đ1a	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Xã/Phường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
89	003353	NÔNG THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	Nùng	05/08/2011	Nà Tú - Nguyễn Huệ - Cao Bằng	Xã Nguyễn Huệ	1,00	8,00	7,25	9,25	25,50	Đ1a	
90	007513	TRIỆU QUỐC THỊNH	Nam	Nùng	15/03/2011	Xóm Phiêng Pha - Phan Thanh - Cao Bằng	Xã Phan Thanh	1,00	8,00	8,25	9,50	26,75	Đ1a	
91	128272	DƯƠNG VĂN NHẮNG	Nam	Mông	17/03/2011	Pác Cai - Phan Thanh - Cao Bằng	Xã Phan Thanh	1,00	6,25	6,50	7,00	20,75	Đ1a	
92	007232	NÔNG TRUNG HIẾU	Nam	Tày	31/01/2011	Xóm Biên Hoà - Phục Hòa - Cao Bằng	Xã Phục Hòa	1,00	9,00	7,00	9,25	26,25	Đ1a	
93	158367	ĐINH QUANG NGHỊ	Nam	Nùng	28/01/2011	Pác Phéc - Phục Hòa - Cao Bằng	Xã Phục Hòa	1,00	7,25	6,50	9,75	24,50	Đ1a	
94	158409	NÔNG QUANG TRỌNG	Nam	Nùng	31/08/2011	Bản Mới - Phục Hòa - Cao Bằng	Xã Phục Hòa	1,00	8,50	6,50	8,25	24,25	Đ1a	
95	158291	NÔNG THỊ THỰC AN	Nữ	Nùng	30/07/2011	Tam Hợp - Phục Hòa - Cao Bằng	Xã Phục Hòa	1,00	9,00	6,50	7,25	23,75	Đ1a	
96	158349	BẠCH HOÀNG TRÚC LINH	Nữ	Kinh	26/01/2011	Nà Quang - Phục Hòa - Cao Bằng	Xã Phục Hòa	1,00	3,75	6,75	6,50	18,00	Đ3	
97	194298	LONG ĐÀM THỊ HUỆ	Nữ	Nùng	17/03/2011	Ngọc Sơn - Quang Hán - Cao Bằng	Xã Quang Hán	1,00	7,25	8,75	8,25	25,25	Đ1a	
98	007165	BẾ TRUNG ĐỨC	Nam	Tày	23/11/2011	Xóm Vững Bền - Quang Hán - Cao Bằng	Xã Quang Hán	1,00	7,75	6,75	7,00	22,50	Đ1a	
99	028371	LÝ THỊ XUÂN MAI	Nữ	Mông	28/12/2011	Phiêng Roỏng - Quảng Lâm - Cao Bằng	Xã Quảng Lâm	2,00	8,75	6,00	4,50	21,25	Đ1a	
100	028372	TRƯƠNG THỊ THÚY NGÀ	Nữ	Mông	01/11/2011	Nà Hôm - Quảng Lâm - Cao Bằng	Xã Quảng Lâm	1,00	8,00	7,00	4,25	20,25	Đ1a	
101	074259	MÔNG THỊ NGỌC VY	Nữ	Nùng	19/05/2011	Lũng Luông - Quang Long - Cao Bằng	Xã Quang Long	1,00	9,00	8,00	8,75	26,75	Đ1a	
102	074246	HOÀNG BẢO THỊ	Nữ	Tày	01/01/2011	Bản Xà - Quang Long - Cao Bằng	Xã Quang Long	1,00	9,25	7,25	7,50	25,00	Đ1a	
103	194278	VƯƠNG THỊ LINH ĐAN	Nữ	Tày	02/01/2011	Bản Ngẩn - Quang Trung - Cao Bằng	Xã Quang Trung	1,00	9,00	8,00	8,50	26,50	Đ1a	
104	003375	NÔNG NGÔ HỒNG NGỌC	Nữ	Tày	12/06/2011	Bản Ngẩn- Quang Trung - Cao Bằng	Xã Quang Trung	1,00	8,00	6,00	7,50	22,50	Đ1a	
105	007153	PHÙNG TRIỆU TRÂM ĐAN	Nữ	Nùng	02/08/2011	Xóm Đà Vỹ - Quảng Uyên - Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	1,00	8,75	8,00	8,75	26,50	Đ1a	
106	158298	PHÙNG QUỐC BẢO	Nam	Nùng	12/04/2011	Đông Thái, Quảng Uyên - Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	1,00	8,75	8,00	8,25	26,00	Đ1a	
107	007181	NGUYỄN NÔNG ĐỨC GIANG	Nam	Tày	13/05/2011	Xóm Quốc Phong, xã Quảng Uyên - Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	1,00	8,75	7,25	8,75	25,75	Đ1a	
108	003359	MẠC TRUNG KHIÊM	Nam	Tày	19/03/2011	Thạch Bình - Quảng Uyên - Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	1,00	8,75	6,75	8,75	25,25	Đ1a - Cả tỉnh	
109	023347	MA HỮU QUỲNH	Nam	Tày	10/09/2011	Pù Mô - Sơn Lộ - Cao Bằng	Xã Sơn Lộ	1,00	8,25	5,25	5,75	20,25	Đ1a	
110	128284	PHÙNG THỊ NGÂN THƯƠNG	Nữ	Dao	17/04/2011	Thượng Thác - Tam Kim - Cao Bằng	Xã Tam Kim	1,00	5,00	7,75	6,25	20,00	Đ1a	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Xã/Phường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
111	128263	BÀN KIM LIÊN	Nữ	Dao đỏ	05/12/2011	Thượng Thác - Tam Kim - Cao Bằng	Xã Tam Kim	1,00	8,00	6,75	4,00	19,75	Đ1a	
112	066190	ĐINH THUY DƯƠNG	Nữ	Tày	09/12/2011	Bản Cấn - Thạch An - Cao Bằng	Xã Thạch An	1,00	7,50	7,25	7,00	22,75	Đ1a	
113	066225	NÔNG THẢO NGUYỄN	Nữ	Tày	07/08/2011	Tân Việt - Thạch An - Cao Bằng	Xã Thạch An	1,00	6,75	8,00	7,00	22,75	Đ1a	
114	128285	TRIỆU LÝ THƯƠNG	Nữ	Dao	07/05/2011	Bản Phường - Thành Công - Cao Bằng	Xã Thành Công	1,00	5,75	7,00	6,50	20,25	Đ1a	
115	200253	TRIỆU THỊ HỒNG THẨM	Nữ	Dao	13/06/2011	Phiêng Pục - Thanh Long - Cao Bằng	Xã Thanh Long	1,00	6,00	7,75	4,00	18,75	Đ1a	
116	200264	HOÀNG THỊ HOÀI THU	Nữ	Dao	14/11/2011	Thanh Chung - Thanh Long - Cao Bằng	Xã Thanh Long	1,00	6,00	5,00	4,25	16,25	Đ1a	
117	200169	NGÔ HÀ DUY ANH	Nam	Tày	22/08/2011	Bản Viêng - Thông Nông - Cao Bằng	Xã Thông Nông	1,00	9,00	8,00	9,25	27,25	Đ1a	
118	200188	ĐÀM NGỌC HÀ	Nữ	Tày	09/04/2011	Hồng Việt - Thông Nông - Cao Bằng	Xã Thông Nông	1,00	8,75	7,75	9,25	26,75	Đ1a	
119	200261	ĐÀM BẢO THI	Nữ	Tày	25/09/2011	Đoàn Kết - Thông Nông - Cao Bằng	Xã Thông Nông	1,00	8,50	7,75	8,75	26,00	Đ1a - Cả tỉnh	
120	200273	PHẠM HUYỀN TRANG	Nữ	Tày	28/01/2011	Háng Tháng - Thông Nông - Cao Bằng	Xã Thông Nông	1,00	8,25	7,75	9,00	26,00	Đ1a - Cả tỉnh	
121	200186	PHÙNG THỊ ĐIỆP	Nữ	Nùng	06/01/2011	Nam Hưng Đạo - Thông Nông - Cao Bằng	Xã Thông Nông	1,00	8,50	7,25	9,00	25,75	Đ1a - Cả tỉnh	
122	200255	NÔNG MINH THÀNH	Nam	Tày	23/09/2011	Hồng Việt - Thông Nông - Cao Bằng	Xã Thông Nông	1,00	7,75	7,75	9,00	25,50	Đ1a - Cả tỉnh	
123	200223	PHÙNG PHƯƠNG NGÀ	Nữ	Nùng	09/09/2011	Đoàn Kết - Thông Nông - Cao Bằng	Xã Thông Nông	1,00	7,75	7,25	9,25	25,25	Đ1a - Cả tỉnh	
124	128237	HOÀNG THỊ KHÁNH AN	Nữ	Tày	09/09/2011	Hồng Hà - Tĩnh Túc - Cao Bằng	Xã Tĩnh Túc	1,00	8,50	8,25	7,50	25,25	Đ1a	
125	200252	HOÀNG THỊ KIM THẨM	Nữ	Nùng	23/04/2011	Lũng Rại - Tổng Cột - Cao Bằng	Xã Tổng Cột	1,00	9,00	8,50	8,50	27,00	Đ1a	
126	007281	NÔNG THỊ KẾT	Nữ	Nùng	02/03/2011	Xóm Lũng Pán - Tổng - Cao Bằng	Xã Tổng Cột	1,00	9,00	8,00	7,50	25,50	Đ1a	
127	194303	HOÀNG NGUYỄN KHÔI	Nam	Nùng	27/06/2011	Xóm Hùng Quốc 3 - Trà Lĩnh - Cao Bằng	Xã Trà Lĩnh	1,00	9,00	7,75	8,75	26,50	Đ1a	
128	007300	HOÀNG TUẤN KIỆT	Nam	Tày	21/11/2011	Xóm Vĩnh Quang - Trà Lĩnh - Cao Bằng	Xã Trà Lĩnh	1,00	8,75	6,50	9,00	25,25	Đ1a	
129	007357	TRƯỜNG THANH MAI	Nữ	Nùng	05/07/2011	Tổ 2 - Trà Lĩnh - Cao Bằng	Xã Trà Lĩnh	1,00	8,00	7,00	9,25	25,25	Đ1a	
130	194366	TRIỆU TƯỜNG VY	Nữ	Nùng	08/01/2011	Xóm 1 - Trùng Khánh - Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	1,00	9,50	8,75	9,00	28,25	Đ1a	
131	003356	PHAN THANH HUYỀN	Nữ	Tày	02/06/2011	Pác Rao - Trùng Khánh - Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	1,00	9,25	8,50	8,75	27,50	Đ1a	
132	007348	HOÀNG KHÁNH LY	Nữ	Tày	26/03/2011	Xóm 8 - Trùng Khánh - Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	1,00	8,50	7,75	9,00	26,25	Đ1a	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Xã/Phường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
133	007504	NÔNG THANH THẢO	Nữ	Nùng	01/09/2011	Xóm 6 - Trùng Khánh - Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	1,00	8,00	7,25	9,25	25,50	Đ1a	
134	194361	NÔNG THANH VŨ	Nam	Tày	15/11/2011	Xóm 6 - Trùng Khánh - Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	1,00	8,25	6,75	9,25	25,25	Đ1a - Cả tỉnh	
135	007460	HOÀNG THANH PHÚ	Nam	Tày	28/06/2011	Xóm 6 - Trùng Khánh - Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	1,00	7,50	7,00	9,50	25,00	Đ1a - Cả tỉnh	
136	007075	HOÀNG THỰC BÌNH	Nữ	Tày	11/07/2011	Xóm Hoà Mục - Trường Hà - Cao Bằng	Xã Trường Hà	1,00	8,00	7,25	9,75	26,00	Đ1a	
137	200238	NÔNG TUYẾT NHI	Nữ	Nùng	15/11/2011	Xuân Vinh - Trường Hà - Cao Bằng	Xã Trường Hà	1,00	8,00	8,00	9,00	26,00	Đ1a	
138	007013	ĐÀM CHÂU ANH	Nữ	Tày	02/06/2011	Xóm Xuân Lộc - Trường Hà - Cao Bằng	Xã Trường Hà	1,00	8,00	7,00	8,25	24,25	Đ1a	Điểm TBM lớp 9: 8,60
139	003333	NÔNG VI THÁI BÌNH	Nam	Tày	24/12/2011	Bản Khúa - Vinh Quý - Cao Bằng	Xã Vinh Quý	1,00	8,00	4,50	8,75	22,25	Đ1a	
140	074245	LƯƠNG THỊ HỒNG THẨM	Nữ	Nùng	16/02/2011	Tha Hoài - Vinh Quý - Cao Bằng	Xã Vinh Quý	1,00	6,75	6,75	7,50	22,00	Đ1a	
141	074260	HÀ THỊ HẢI YẾN	Nữ	Nùng	22/04/2011	Bản Nha - Vinh Quý - Cao Bằng	Xã Vinh Quý	1,00	4,75	8,75	7,50	22,00	Đ1a	
142	023294	TÔ ĐÀM NGỌC DIỆP	Nữ	Tày	18/10/2011	Thiên Lâu - Xuân Trường - Cao Bằng	Xã Xuân Trường	1,00	8,00	8,25	3,75	21,00	Đ1a	
143	007587	HOÀNG CHI U	Nam	Mông	15/07/2011	Xóm Hoi Ngừ - Xuân Trường - Cao Bằng	Xã Xuân Trường	1,00	4,75	4,00	9,00	18,75	Đ1a	
144	028397	BAN THỊ THÂN	Nữ	Sán Chi	19/08/2011	Nà Sài Nà Pịây - Yên Thổ - Cao Bằng	Xã Yên Thổ	1,00	7,25	7,25	7,50	23,00	Đ1a	
145	028362	TRƯƠNG QUỐC HUY	Nam	Nùng	26/06/2011	Bản Ràn - Yên Thổ - Cao Bằng	Xã Yên Thổ	1,00	6,00	6,75	6,75	20,50	Đ1a	
146	028347	DƯƠNG PHAN VY HÀ	Nữ	Tày	03/07/2011	Bản Đuốc - Yên Thổ - Cao Bằng	Xã Yên Thổ	1,00	4,25	7,25	7,50	20,00	Đ1a	

Danh sách gồm 146 học sinh./.